

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Nghệ thuật biểu diễn, lĩnh vực Du lịch; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Nghệ thuật biểu diễn, lĩnh vực Du lịch; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (có Danh mục thủ tục hành chính kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Sở Thông tin và truyền thông;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, HCC.

NiTrang.8.2021

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



Ký bởi: Văn phòng Ủy ban  
nhân dân  
Cơ quan: Tỉnh Thái Nguyên  
Ngày ký: 19-08-2021 09:29:39  
+07:00

**Lê Quang Tiến**

**PHỤ LỤC**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH**  
**TRONG LĨNH VỰC NGHỆ THUẬT BIỂU DIỄN, LĨNH VỰC DU LỊCH; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  
**ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC DU LỊCH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ**  
**CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH THÁI NGUYÊN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2708 /QĐ-UBND  
 ngày 19 tháng 8 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên)

**I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH**

| STT      | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện  | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  | Cơ chế giải quyết TTHC |
|----------|---|--|---|----------------------|---|------------------------|
| <b>I</b> | <b>LĨNH VỰC NGHỆ THUẬT BIỂU DIỄN</b>  |  |   |                      |   |                        |
| 1        | Thủ tục hỗ trợ viên chức hoạt động nghệ thuật gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 | - Trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Danh sách theo đề nghị của đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật, cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh tổng hợp, thẩm định, trình | - Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:<br>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên<br><br>Địa chỉ: Số 17, đường Đội Cấn, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên | Không quy định       | 1. Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19.<br><br>2. Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách | Một cửa                |

*Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là phần sửa đổi, bổ sung*

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý   | Cơ chế giải quyết TTHC |
|-----|------------------------|--|--------------------|----------------------|--|------------------------|
|     |                        | <p>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>- Trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Danh sách của cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ; đồng thời chỉ đạo thực hiện hỗ trợ. Trường hợp không phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> |                    |                      | <p>hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch covid-19.</p> <p>3. Quyết định số 2224/QĐ-BVHTTDL của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Nghệ thuật biểu diễn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.</p> |                        |

Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là phần sửa đổi, bổ sung

ty

| STT                        | Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết                        | Địa điểm thực hiện  | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  | Cơ chế giải quyết TTHC |
|----------------------------|--|--|---|----------------------|---|------------------------|
| <b>II LĨNH VỰC DU LỊCH</b> |  |  |   |                      |   |                        |
| 1                          | Hỗ trợ hướng dẫn viên du lịch bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 | 04 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | <p><b>- Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:</b></p> <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên</p> <p>Địa chỉ: Số 17, đường Đội Cấn, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên</p> | Không quy định       | <p>1. Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 05 năm 2013.</p> <p>2. Bộ Luật lao động số 45/2019/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2019. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.</p> <p>3. Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.</p> <p>4. Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng</p> | Một cửa                |

Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là phần sửa đổi, bổ sung

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  | Cơ chế giải quyết TTHC |
|-----|------------------------|---------------------|--------------------|----------------------|---|------------------------|
|     |                        |                     |                    |                      | <p>lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19.</p> <p>5. Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19.</p> <p>6. Quyết định số 2222/QĐ-BVHTTDL ngày 02/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.</p> |                        |

Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là phần sửa đổi, bổ sung

ty

## II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

| STT      | Tên thủ tục hành chính                                   | Thời hạn giải quyết                       | Địa điểm thực hiện  | Phí, lệ phí (nếu có)   | Căn cứ pháp lý  | Cơ chế giải quyết TTHC |
|----------|--|---|---|--|---|------------------------|
| <b>I</b> | <b>LĨNH VỰC DU LỊCH</b>                                  |   |   |  |   |                        |
| 1        | Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa | 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | <p><b>- Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:</b><br/>           Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên<br/>           Địa chỉ: Số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên</p> | <p><b>- Lệ phí:</b><br/>           1.500.000 đồng/giấy phép (Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24/6/2021 có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2021 đến hết ngày 31/12/2021)</p> | <p>1. Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.<br/>           2. Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.<br/>           3. Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực</p> | Một cửa                |

Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là phần sửa đổi, bổ sung

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  | Cơ chế giải quyết TTHC |
|-----|------------------------|---------------------|--------------------|----------------------|---|------------------------|
|     |                        |                     |                    |                      | <p>từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.</p> <p>4. Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 01 năm 2020.</p> <p>5. Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm</p> |                        |

Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là phần sửa đổi, bổ sung

4



| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý   | Cơ chế giải quyết TTHC |
|-----|------------------------|---------------------|--------------------|----------------------|--|------------------------|
|     |                        |                     |                    |                      | <p>định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài.</p> <p><i>6. Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2021.</i></p> |                        |

*Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là phần sửa đổi, bổ sung*

| STT | Tên thủ tục hành chính                                       | Thời hạn giải quyết                                | Địa điểm thực hiện  | Phí, lệ phí (nếu có)   | Căn cứ pháp lý  | Cơ chế giải quyết TTHC |
|-----|--|--|---|--|---|------------------------|
|     |  |  |   |  | 7. Quyết định số 2225/QĐ-BVHTTDL ngày 02/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.                                    |                        |
| 2   | Thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị. | <p><b>- Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:</b></p> <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên</p> <p>Địa chỉ: Số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố</p> | <p>- Lệ phí: 750.000 đồng/giấy phép (Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24/6/2021 có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2021 đến hết ngày 31/12/2021)</p> | <p>1. Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.</p> <p>2. Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. 3.</p> | Một cửa                |

Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là phần sửa đổi, bổ sung

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện            | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  | Cơ chế giải quyết TTTC |
|-----|------------------------|---------------------|-------------------------------|----------------------|---|------------------------|
|     |                        |                     | Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên |                      | <p>Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.</p> <p>4. Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực</p> |                        |

*Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là phần sửa đổi, bổ sung*

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  | Cơ chế giải quyết TTTC |
|-----|------------------------|---------------------|--------------------|----------------------|---|------------------------|
|     |                        |                     |                    |                      | <p>từ ngày 20 tháng 01 năm 2020.</p> <p>5. Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài.</p> <p>6. Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một</p> |                        |

Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là phần sửa đổi, bổ sung

ty

| STT | Tên thủ tục hành chính                                       | Thời hạn giải quyết                                 | Địa điểm thực hiện                                    | Phí, lệ phí (nếu có)  | Căn cứ pháp lý  | Cơ chế giải quyết TTHC |
|-----|--|---|---|---|---|------------------------|
|     |  |   |   |   | <p>số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2021.</p> <p>7. Quyết định số 2225/QĐ-BVHTTDL ngày 02/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.</p> |                        |
| 3   | Thủ tục cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | - Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: | - Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép (Thông tư số 47/2021/TT- | 1. Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.   | Một cửa                |

Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là phần sửa đổi, bổ sung

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện  | Phí, lệ phí (nếu có)  | Căn cứ pháp lý  | Cơ chế giải quyết TTHC |
|-----|------------------------|---------------------|---|---|---|------------------------|
|     |                        |                     | <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên</p> <p>Địa chỉ: Số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên</p> | <p><i>BTC ngày 24/6/2021 có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2021 đến hết ngày 31/12/2021)</i></p> | <p>2. Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.</p> <p>3. Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.</p> <p>4. Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-</p> |                        |

Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là phần sửa đổi, bổ sung

đ

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  | Cơ chế giải quyết TTHC |
|-----|------------------------|---------------------|--------------------|----------------------|---|------------------------|
|     |                        |                     |                    |                      | <p>BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 01 năm 2020.</p> <p>5. Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện Việt Nam của doanh nghiệp kinh</p> |                        |

*Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là phần sửa đổi, bổ sung*

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý   | Cơ chế giải quyết TTTC |
|-----|------------------------|---------------------|--------------------|----------------------|--|------------------------|
|     |                        |                     |                    |                      | <p>doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài.</p> <p>6. Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2021.</p> <p>7. Quyết định số 2225/QĐ-BVHTTDL ngày 02/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý</p> |                        |

Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là phần sửa đổi, bổ sung

đ



| STT | Tên thủ tục hành chính                          | Thời hạn giải quyết                     | Địa điểm thực hiện  | Phí, lệ phí (nếu có)  | Căn cứ pháp lý  | Cơ chế giải quyết TTHC |
|-----|---|---|---|---|---|------------------------|
|     |   |   |   |   | <i>của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.</i>   |                        |
| 4   | Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm | 10 ngày kể từ ngày có kết quả kiểm tra. | <p><b>- Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:</b></p> <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên</p> <p>Địa chỉ: Số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên</p> | <p><i>- Lệ phí: 100.000 đồng/thẻ (Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24/6/2021 có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2021 đến hết ngày 31/12/2021)</i></p> | <p>1. Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.</p> <p>2. Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.</p> <p>3. Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực</p> | Một cửa                |

*Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là phần sửa đổi, bổ sung*

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  | Cơ chế giải quyết TTHC |
|-----|------------------------|---------------------|--------------------|----------------------|---|------------------------|
|     |                        |                     |                    |                      | <p>từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.</p> <p>4. Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 01 năm 2020.</p> <p>5. Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm</p> |                        |

Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là phần sửa đổi, bổ sung

ty

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý   | Cơ chế giải quyết TTHC |
|-----|------------------------|---------------------|--------------------|----------------------|--|------------------------|
|     |                        |                     |                    |                      | <p>định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thăm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài.</p> <p><i>6. Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2021.</i></p> |                        |

*Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là phần sửa đổi, bổ sung*

*ty*

| STT | Tên thủ tục hành chính                         | Thời hạn giải quyết                        | Địa điểm thực hiện   | Phí, lệ phí (nếu có)  | Căn cứ pháp lý  | Cơ chế giải quyết TTHC |
|-----|--|--|--|---|---|------------------------|
|     |  |  |  |   | 7. Quyết định số 2225/QĐ-BVHTTDL ngày 02/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.                                    |                        |
| 5   | Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế | 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | <p>- Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:</p> <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên</p> <p>Địa chỉ: Số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố</p> | <p>- Lệ phí: 325.000 đồng/thẻ (Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24/6/2021 có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2021 đến hết ngày 31/12/2021)</p> | <p>1. Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.</p> <p>2. Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. 3.</p> | Một cửa                |

Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là phần sửa đổi, bổ sung

ky

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện            | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  | Cơ chế giải quyết TTHC |
|-----|------------------------|---------------------|-------------------------------|----------------------|---|------------------------|
|     |                        |                     | Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên |                      | <p>Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.</p> <p>4. Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực</p> |                        |

*Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là phần sửa đổi, bổ sung*



| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  | Cơ chế giải quyết TTHC |
|-----|------------------------|---------------------|--------------------|----------------------|---|------------------------|
|     |                        |                     |                    |                      | <p>từ ngày 20 tháng 01 năm 2020.</p> <p>5. Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài.</p> <p>6. Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một</p> |                        |

Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là phần sửa đổi, bổ sung

tg

| STT | Tên thủ tục hành chính                         | Thời hạn giải quyết                        | Địa điểm thực hiện                                    | Phí, lệ phí (nếu có)                                | Căn cứ pháp lý  | Cơ chế giải quyết TTHC |
|-----|--|--|---|---|---|------------------------|
|     |  |  |   |   | <p>số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2021.</p> <p>7. Quyết định số 2225/QĐ-BVHTTDL ngày 02/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.</p> |                        |
| 6   | Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa | 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | - Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: | - Lệ phí: 325.000 đồng/thẻ (Thông tư số 47/2021/TT- | 1. Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.   | Một cửa                |

Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là phần sửa đổi, bổ sung

by

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện  | Phí, lệ phí (nếu có)  | Căn cứ pháp lý   | Cơ chế giải quyết TTHC |
|-----|------------------------|---------------------|---|---|--|------------------------|
|     |                        |                     | <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên</p> <p>Địa chỉ: Số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên</p> | <p><i>BTC ngày 24/6/2021 có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2021 đến hết ngày 31/12/2021)</i></p> | <p>2. Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. 3. Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.</p> <p>4. Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-</p> |                        |

Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là phần sửa đổi, bổ sung

*fe*



| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  | Cơ chế giải quyết TTHC |
|-----|------------------------|---------------------|--------------------|----------------------|---|------------------------|
|     |                        |                     |                    |                      | <p>BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 01 năm 2020.</p> <p>5. Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện Việt Nam của doanh nghiệp kinh</p> |                        |

*Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là phần sửa đổi, bổ sung*



| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý   | Cơ chế giải quyết TTTC |
|-----|------------------------|---------------------|--------------------|----------------------|--|------------------------|
|     |                        |                     |                    |                      | <p>doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài.</p> <p>6. Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2021.</p> <p>7. Quyết định số 2225/QĐ-BVHTTDL ngày 02/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý</p> |                        |

Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là phần sửa đổi, bổ sung

tr

| STT | Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết                        | Địa điểm thực hiện  | Phí, lệ phí (nếu có)   | Căn cứ pháp lý  | Cơ chế giải quyết TTHC |
|-----|--|--|---|--|---|------------------------|
|     |  |  |   |  | <i>của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.</i>   |                        |
| 7   | Thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa | 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | <p><b>- Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:</b></p> <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên</p> <p>Địa chỉ: Số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên</p> | <p><i>- Lệ phí: 325.000 đồng/thẻ (Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24/6/2021 có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2021 đến hết ngày 31/12/2021)</i></p> | <p>1. Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.</p> <p>2. Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.</p> <p>3. Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực</p> | Một cửa                |

*Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là phần sửa đổi, bổ sung*

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  | Cơ chế giải quyết TTTC |
|-----|------------------------|---------------------|--------------------|----------------------|---|------------------------|
|     |                        |                     |                    |                      | <p>từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.</p> <p>4. Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 01 năm 2020.</p> <p>5. Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thăm</p> |                        |

Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là phần sửa đổi, bổ sung

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  | Cơ chế giải quyết TTHC |
|-----|------------------------|---------------------|--------------------|----------------------|---|------------------------|
|     |                        |                     |                    |                      | <p>định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài.</p> <p>6. Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2021.</p> |                        |

Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là phần sửa đổi, bổ sung

ty

| STT | Tên thủ tục hành chính                     | Thời hạn giải quyết                        | Địa điểm thực hiện  | Phí, lệ phí (nếu có)   | Căn cứ pháp lý  | Cơ chế giải quyết TTHC |
|-----|--|--|---|--|---|------------------------|
|     |  |  |   |  | 7. Quyết định số 2225/QĐ-BVHTTDL ngày 02/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.                                    |                        |
| 8   | Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch | 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | <p><b>- Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:</b></p> <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên</p> <p>Địa chỉ: Số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố</p> | <p>- Lệ phí:<br/>+ 325.000 đồng/thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế hoặc thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa (Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24/6/2021 có</p> | <p>1. Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.</p> <p>2. Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. 3.</p> | Một cửa                |

Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là phần sửa đổi, bổ sung

ty

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện            | Phí, lệ phí (nếu có)  | Căn cứ pháp lý   | Cơ chế giải quyết TTHC |
|-----|------------------------|---------------------|-------------------------------|---|--|------------------------|
|     |                        |                     | Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên | hiệu lực kể từ ngày 01/7/2021 đến hết ngày 31/12/2021).<br>+ 100.000 đồng/thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm (Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24/6/2021 có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2021 đến hết ngày 31/12/2021). | Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.<br>4. Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực |                        |

Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là phần sửa đổi, bổ sung

7

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  | Cơ chế giải quyết TTHC |
|-----|------------------------|---------------------|--------------------|----------------------|---|------------------------|
|     |                        |                     |                    |                      | <p>từ ngày 20 tháng 01 năm 2020.</p> <p>5. Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài.</p> <p>6. Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một</p> |                        |

Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là phần sửa đổi, bổ sung

4



| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  | Cơ chế giải quyết TTHC |
|-----|------------------------|---------------------|--------------------|----------------------|---|------------------------|
|     |                        |                     |                    |                      | <p>số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2021.</p> <p>7. Quyết định số 2225/QĐ-BVHTTDL ngày 02/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.</p> |                        |

Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là phần sửa đổi, bổ sung

